

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

*Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**



# MỤC LỤC

----- oOo -----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03
3. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	04 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	07 - 08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 11
6. BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	12
7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 42

---

ĐƯỢC  
C  
ĐƠN  
KI  
DỊCH  
M  
4 TH  
C  
C  
H  
H

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

### 1. Thông tin chung về công ty:

#### Thành lập:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102116483 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12/11/2021 và giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 31/UBCK-GPHĐKD ngày 21/12/2006, thay đổi gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 95/GPĐC-UBCK ngày 27/10/2021. Quyết định số 90/QĐ-UBCK ngày 21/2/2022.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp bổ sung các Giấy phép điều chỉnh. Các giấy phép đã được cấp bổ sung trong trong năm 2021 như sau:

- Giấy phép số 28/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng;
- Giấy phép số 40/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Giấy phép số 07/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán;
- Giấy phép số 26/GPĐC-UBCK ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Văn An - Tổng Giám đốc
- Giấy phép điều chỉnh số 95/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thay đổi thông tin người đại diện Công ty
- Quyết định số 90/QĐ-UBCK ngày 21/2/2022 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc chấp nhận thành lập Chi nhánh Công ty chứng khoán

Vốn điều lệ theo giấy phép hoạt động: 300.000.000.000 VND

Vốn pháp định: 250.000.000.000 VND

**Tên tiếng anh:** Capital Securities Joint Stock Company

**Tên giao dịch:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần

#### Nghành nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

**Trụ sở chính:** Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

#### Hội đồng Quản trị

Ông	Bùi Minh Kết	Chủ tịch
Ông	Phạm Hữu Gia	Thành viên - Miễn nhiệm ngày 10/03/2022
Bà	Giáp Thị Phương	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 10/03/2022
Ông	Nguyễn Văn An	Thành viên
Ông	Nguyễn Đình Ngôn	Thành viên
Bà	Lê Thị Mai Loan	Thành viên

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động (tiếp theo)

#### Ban Kiểm soát

Bà	Đinh Thị Vân	Trưởng ban
Bà	Nguyễn Quỳnh Anh	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên

#### Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Văn An	Tổng Giám đốc
Bà	Phan Thị Hoài Thu	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông	Nguyễn Văn An	Tổng Giám đốc
-----	---------------	---------------

### 3. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022.

### 4. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

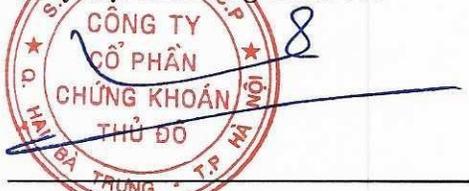
### 5. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán.

Tp. Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn An  
Tổng Giám đốc

Số: A522048-R1/MOORE AISC-TC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi:****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô, được lập ngày 20 tháng 7 năm 2022, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

*Tp. Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022*

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
VÀ DỊCH VỤ TÍN HỌC MOORE AISC****PHẠM XUÂN SƠN**

Số Giấy CNDKHNKT: 1450-2019-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

**Mẫu số B02g - CTCK**

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/6/2022	01/01/2022
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>344.852.983.709</b>	<b>340.620.992.129</b>
<b>I.</b>	<b>Tài sản tài chính (110 = 111 → 129)</b>	<b>110</b>		<b>344.294.080.590</b>	<b>340.344.299.968</b>
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	1.268.772.143	166.498.410.237
1.1.	Tiền	111.1		1.268.772.143	166.498.410.237
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	V.3.1	150.430.527.794	3.878.169.582
3.	Các khoản cho vay	114	V.3.1	41.451.494	514.050.000
4.	Các khoản phải thu	117	V.5	126.600.170.728	60.690.410.959
4.1	Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	V.5.1	126.600.000.000	60.000.000.000
4.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	V.5.2	170.728	690.410.959
4.2.1	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		170.728	-
4.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		-	690.410.959
5.	Trả trước cho người bán	118	V.6	65.920.190.951	108.762.512.608
6.	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.7	32.967.480	746.582
<b>II.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác (130 = 131 → 139)</b>	<b>130</b>		<b>558.903.119</b>	<b>276.692.161</b>
1.	Tạm ứng	131		206.700.000	41.000.000
2.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.8a	346.553.119	230.042.161
3.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	V.9a	5.650.000	5.650.000
TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/6/2022	01/01/2022
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)</b>	<b>200</b>		<b>9.122.990.682</b>	<b>6.620.398.766</b>
<b>I.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.350.049.880</b>	<b>4.786.812.149</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	3.437.955.745	3.801.401.715
	- Nguyên giá	222		6.803.104.237	6.772.579.237
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(3.365.148.492)	(2.971.177.522)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	912.094.135	985.410.434
	- Nguyên giá	228		1.288.120.000	1.208.120.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(376.025.865)	(222.709.566)
<b>II.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>4.772.940.802</b>	<b>1.833.586.617</b>
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.9b	404.618.200	404.618.200
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	V.8b	4.245.449.226	1.308.968.417
3.	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	V.12	122.873.376	120.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>		<b>270</b>		<b>353.975.974.391</b>	<b>347.241.390.895</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

**Mẫu số B02g - CTCK**

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/6/2022	01/01/2022
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>37.471.328.151</b>	<b>33.873.925.121</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.471.328.151</b>	<b>33.873.925.121</b>
1.	Vay tài sản tài chính ngắn hạn	314		-	-
2.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	V.13	6.344.083.195	3.379.468.344
3.	Phải trả người bán ngắn hạn	320	V.14	28.557.529	-
4.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	V.15	1.264.260.501	22.900.000.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.16	2.130.145.138	2.859.956.766
4.	Phải trả người lao động	323		32.880.000	954.528.000
5.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		418.884.300	139.073.300
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.17	65.139.827	136.113.216
7.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327	V.18	20.061.485.310	0
8.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.19	2.553.828	907.425
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	330	V.20	7.123.338.523	3.503.878.070
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>316.504.646.240</b>	<b>313.367.465.774</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>316.504.646.240</b>	<b>313.367.465.774</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	306.785.002.897	306.785.002.897
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.000.000.000	300.000.000.000
a.	Cổ phiếu phổ thông	411.1a		300.000.000.000	300.000.000.000
1.2.	Thặng dư vốn cổ phần	411.2		6.785.002.897	6.785.002.897
2.	Lợi nhuận chưa phân phối	417		9.719.643.343	6.582.462.877
2.1.	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		9.719.643.343	6.582.462.877
2.2.	Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>353.975.974.391</b>	<b>347.241.390.895</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B02g - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG		Mã số	Thuyết minh	30/6/2022	01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>					
1.	Nợ khó đòi đã xử lý	004	V.23	6.053.584.052	6.053.584.052
2.	Cổ phiếu đang lưu hành	006	V.24	30.000.000	30.000.000
3.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	V.25	149.400.600.000	3.824.000.000
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG		Mã số	Thuyết minh	30/6/2021	01/01/2022
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>					
1.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	V.26	121.020.900.000	289.000.000
a.	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		1.019.820.000	115.000.000
d.	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		120.000.000.000	-
e.	Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		1.080.000	174.000.000
2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		551.593.000.000	
a.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		551.593.000.000	
3.	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		74.000.000	144.000.000
		Mã số	Thuyết minh	30/6/2022	01/01/2022
4.	Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	024.a		-	-
5.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b	V.27	4.150.599.400.000	3.598.176.000.000
6.	Tiền gửi của khách hàng	026	V.28	318.914.978	568.453.928
6.1.	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		318.208.578	568.453.928
6.2.	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		706.400	-
7.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.29	318.208.578	568.453.928
7.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		318.208.578	568.453.928
8.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	V.30	706.400	-

Tp. Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Bùi Diệu Quyên

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Thị Hoài Thu

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn An

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

**Mẫu số B02 - CTCK**

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	VI.1	21.766.867.011	6.390.448.349
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VI.1.1	1.417.754.740	5.880.481.226
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VI.1.2	20.349.112.271	509.967.123
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VI.1.2	-	-
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VI.1.2	12.764.565	-
1.4 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VI.1.3	5.330.545	645.824.962
1.5 Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	VI.1.3	38.450.000.000	68.428.750.000
1.6 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		-	-
1.7 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VI.1.3	31.891.680.123	300.000
1.8 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VI.1.3	-	-
1.9 Thu nhập hoạt động khác	11	VI.1.3	2.006.761.303	3.846.910.909
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01→11)</b>	<b>20</b>		<b>94.133.403.547</b>	<b>79.312.234.220</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		32.081.231.002	36.503.390.947
a. Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1	VI.1.1	32.055.769.827	36.471.796.646
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		25.461.175	31.594.301
2.2 Chi phí hoạt động tự doanh	26	VI.3	100.736.000	148.940.001
2.3 Chi phí môi giới chứng khoán	27	VI.4	2.819.793.376	1.669.807.007
2.4 Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	VI.5	21.468.276.424	35.042.864.161
2.5 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	VI.6.1	29.376.000	46.866.000
2.6 Chi phí lưu ký chứng khoán	30	VI.7	25.549.275.303	-
2.7 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	VI.6.2	318.219.288	37.842.692
2.8 Chi phí các dịch vụ khác	32	VI.8	600.000	798.959.780
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21→32)</b>	<b>40</b>		<b>82.367.507.393</b>	<b>74.248.670.588</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		48.050.992	20.046.082
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41→44)</b>	<b>50</b>	<b>VI.2</b>	<b>48.050.992</b>	<b>20.046.082</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>			-	-
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	<b>61</b>		-	-
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	<b>VI.9</b>	<b>7.921.389.325</b>	<b>3.221.527.615</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40-60-61-62)</b>	<b>70</b>		<b>3.892.557.821</b>	<b>1.862.082.099</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

**Mẫu số B02 - CTCK**

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1 Thu nhập khác	71	VI.10	76.031.915	503
8.2 Chi phí khác	72	VI.11	1.000	1
<b>Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)</b>	<b>80</b>		<b>76.030.915</b>	<b>502</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)</b>	<b>90</b>		<b>3.968.588.736</b>	<b>1.862.082.601</b>
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		3.968.588.736	1.862.082.601
9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>831.408.270</b>	<b>408.845.092</b>
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.12	831.408.270	408.845.092
10.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	<b>200</b>		<b>3.137.180.466</b>	<b>1.453.237.509</b>
<b>XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	<b>300</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>			
13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	VI.13	105	74
13.2 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502	VI.13	105	74

Tp. Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Bùi Diệu Quyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Thị Hoài Thu

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn An

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B03b - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>01</b>		<b>3.968.588.736</b>	<b>1.862.082.601</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>	<b>02</b>		<b>4.118.696.730</b>	<b>2.637.120.652</b>
- Khấu hao TSCĐ	03	V.10,11	547.287.269	477.181.809
- Các khoản dự phòng	04		3.619.460.453	2.159.938.843
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(48.050.992)	-
- Dự thu tiền lãi	08		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	09		-	-
<b>4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>	<b>18</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>30</b>		<b>(173.294.449.552)</b>	<b>(74.277.905.925)</b>
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(146.552.358.212)	(116.869.429.452)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	32		-	-
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		472.598.506	-
- Tăng (giảm) các tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		-	-
(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		(88.235.739.499)	39.853.300.000
(+) Tăng, (-) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		690.240.231	-
(+) Tăng, (-) giảm các phải thu các dịch CTCK cung cấp	37		(32.220.898)	9.451.145.000
(+) Tăng, (-) giảm các phải thu về lỗi giao dịch các TSTC	38		-	-
(+) Tăng, (-) giảm các khoản phải thu khác	39		(165.700.000)	200.450.000
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(2.873.376)	(86.067.242)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(70.973.389)	(327.382.000)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(3.052.991.767)	(111.288.239)
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		(2.005.160.162)	(327.287.157)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		45.795.494.037	(4.696.609.261)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		279.811.000	42.073.000
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN phải nộp)	47		443.940.264	(1.285.016.255)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(921.648.000)	(128.708.764)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		20.063.131.713	6.914.445
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>		<b>(165.207.164.086)</b>	<b>(69.778.702.672)</b>

002  
 ÁNH  
 TNH  
 ĐÁN  
 TIN H  
 AISC  
 TP

H  
 KH  
 Đ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B03b - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày  
27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(70.525.000)	(610.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		-	-
3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		48.050.992	-
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>70</b>		<b>(22.474.008)</b>	<b>(610.000.000)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		-	193.084.658.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>80</b>		<b>-</b>	<b>193.084.658.000</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>	<b>90</b>		<b>(165.229.638.094)</b>	<b>122.695.955.328</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>101</b>	V.1	<b>166.498.410.237</b>	<b>108.036.002.003</b>
- Tiền	101.1		166.498.410.237	2.036.002.003
- Các khoản tương đương tiền	102.2		-	106.000.000.000
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>103</b>	V.1	<b>1.268.772.143</b>	<b>230.731.957.331</b>
- Tiền	103.1		1.268.772.143	70.731.957.331
- Các khoản tương đương tiền	103.2		-	160.000.000.000





# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1. Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102116483 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12/11/2021 và giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 31/UBCK-GPHĐKD ngày 21/12/2006, thay đổi gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 95/GPĐC-UBCK ngày 27/10/2021. Quyết định số 90/QĐ-UBCK ngày 21/2/2022.

**Tên tiếng anh:** Capital Securities Joint Stock Company

**Tên viết tắt:** CASC

**Trụ sở chính:** Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

**Điều lệ hoạt động** Công ty ban hành ngày 21/12/2006 và bản thay thế gần nhất ngày 20/10/2021.

**2. Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

**4. Quy mô vốn Công ty:** 300.000.000.000 VND

#### 5. Hạn chế đầu tư

Công ty thực hiện theo điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020, cụ thể:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- (i) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- (ii) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 5. Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- (iii) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại mục (i), (ii) và (iii) nêu trên. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;

- Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);

- Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

**7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** Không có

**8. Tổng số nhân viên tại 30/6/2022:** 65 người (tại ngày 31/12/2021: 48 người).

### 9. Cấu trúc công ty

Công ty không có công ty con, công ty liên kết

Tại 30/6/2022, Công ty có 01 (một) chi nhánh trực thuộc như sau:

- Công ty CP Chứng khoán thủ đô - Chi nhánh Sài Gòn

- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà VP số 22A, Đường số 7, Phường An Phú, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

### 10. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

3513  
CHI  
ĐNG  
KIEN  
DICH  
1001  
TRU

31  
ĐƠN  
CỔ I  
ỨNG  
TH  
TRU

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu riêng và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

Các báo cáo tài chính bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng, báo cáo kết quả hoạt động riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và không được chủ định trình bày theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

#### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn** bao gồm các khoản tiền gửi hoạt động, các khoản tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và các khoản tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được trình bày riêng biệt tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

**Các khoản tương đương tiền** bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Nguyên tắc kế toán Tài sản tài chính (TSTC) ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, TSTC sẵn sàng để bán, các khoản cho vay, nợ phải thu.**

**3.1 Nguyên tắc ghi nhận, phân loại và đánh giá tài sản tài chính.**

**3.1.1 Nguyên tắc ghi nhận, phân loại tài sản tài chính.**

Công ty chỉ ghi nhận các tài sản tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty được phân loại thành các nhóm sau đây dựa trên bản chất và mục đích sở hữu tại ngày thu tóm, gồm: “Tài sản tài chính thông qua lãi và lỗ (‘FVTPL’)", “khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn (‘HTM’)", “cho vay và phải thu” và “Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (‘AFS’)".

**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** Tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính với kỳ vọng sinh lời.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua (là giá mua thực tế hoặc giá khớp lệnh, không bao gồm các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL, như: phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng). Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị tài sản tài chính này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động.

**3.1.1 Nguyên tắc ghi nhận, phân loại tài sản tài chính (tiếp theo)**

TSTC được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: TSTC là nợ cho vay hoặc khoản phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc TSTC là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính FVTPL phải được ghi nhận theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

**b) TSTC nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):** HTM là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ đáo hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (FVTPL);

- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp vào loại sẵn sàng để bán (AFS);

- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ thì các tài sản tài chính HTM phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải xác định lại theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

**c) TSTC sẵn sàng để bán (AFS):** AFS thuộc danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là (a) Các khoản cho vay và phải thu, (b) Các khoản đầu tư TSTC được phép phân loại sang các nhóm: FVTPL, HTM.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy được phản ánh theo giá gốc.

02  
NH  
NHI  
ÁN  
IN H  
ISC  
TP.

02  
Y  
V  
CÁI  
TP.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khi lập và trình bày báo cáo tài chính, phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính AFS do đánh giá lại, được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

**d) Các khoản cho vay:** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các khoản cho vay của Công ty bao gồm:

- Cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ
- Ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng.

### 3.1.2 Đánh giá tài sản tài chính

Cuối kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại giá trị tài sản tài chính theo các nguyên tắc sau:

Việc đánh giá lại các TSTC FVTPL và AFS theo giá thị trường và giá hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với qui định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các TSTC. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với cổ phiếu của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với cổ phiếu niêm yết bị hủy, đình chỉ hoặc ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá cổ phiếu thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Công ty không đánh giá lại đối với cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) nếu không có báo giá của ba (03) công ty chứng khoán hoặc không có giao dịch trong vòng một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày cuối kỳ kế toán

**Đối với trái phiếu niêm yết** giá đánh giá lại là giá niêm yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất.

**Đối với trái phiếu chưa niêm yết, công cụ thị trường tiền tệ** việc đánh giá lại các tài sản tài chính này theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các TSTC. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### **3.1.2 Đánh giá tài sản tài chính (tiếp theo)**

**Đối với tiền gửi có kỳ hạn cố định:** trong trường hợp có khả năng bị tổn thất không thể thu hồi và mức độ rủi ro thì được đánh giá lại theo giá trị có thể thu hồi được (đã tính tới các khoản bảo hiểm tiền gửi có thể được nhận theo quy định của pháp luật về ngân hàng).

**Đối với khoản đầu tư cho vay:** Công ty nhận tài sản nhận thế chấp cho các khoản cho vay bằng tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS hoặc cho vay bằng tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán. Cuối kỳ kế toán, Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản thế chấp theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (đối với trường hợp không có giá thị trường) để yêu cầu Bên đi vay bổ sung tài sản thế chấp hoặc trích lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp. Dự phòng cho các khoản cho vay được tính bằng chênh lệch giữa giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của các tài sản nhận thế chấp và giá trị khoản cho vay tại thời điểm báo cáo.

**Đối với các TSTC FVTPL** chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo hai chỉ tiêu:

- Chênh lệch tăng do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chỉ tiêu chi tiết “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ.
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chỉ tiêu chi tiết “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ.”

### **3.2 Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính**

Cuối kỳ kế toán, Công ty đánh giá tình hình suy giảm giá trị các loại tài sản tài chính sau: Tài sản tài chính HTM, tài sản tài chính AFS và các khoản cho vay.

### **3.2 Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính (tiếp theo)**

Nếu phát sinh giá trị suy giảm thì phải lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính. Nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm đã xác định trước đó, thì sẽ hoàn nhập khoản dự phòng đã lập.

**Đối với tài sản tài chính HTM:** Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty xem xét có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của một hoặc một nhóm các tài sản tài chính hay không. Nếu có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các nhóm tài sản tài chính này thì Công ty phải ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động - Phần lãi/lỗ.

**Đối với các tài sản tài chính AFS:** Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty xem xét có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị hợp lý của một hoặc một nhóm các tài sản tài chính AFS hay không. Nếu có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các nhóm tài sản tài chính này thì Công ty phải xác định giá trị hợp lý của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị và ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

**Đối với tài sản nhận thế chấp** cho các khoản cho vay được tự do mua, bán trên thị trường chứng khoán, tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty xem xét có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy giá trị tài sản thuần có thể thực hiện được tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý bị giảm thấp hơn giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán thì Công ty thực hiện lập dự phòng giảm giá chi tiết theo từng loại tài sản nhận thế chấp dựa theo mức chênh lệch giữa giá trị tài sản thế chấp và giá trị khoản cho vay.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

#### 4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

#### 4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

*Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

#### 4.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

*Máy móc, thiết bị*

3 - 8 năm

*Phần mềm máy vi tính*

2 - 5 năm

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 5. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

#### Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các tài sản tài chính

Toàn bộ giá trị khoản phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này được theo dõi qua chỉ tiêu " Phải thu bán các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính riêng.

Toàn bộ giá trị khoản phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty qua các Sở giao dịch chứng khoán sử dụng tài khoản 321- Bù trừ và thanh toán giao dịch các tài sản tài chính và không được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty.

#### Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính

Tất cả các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính riêng.

**Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được phản ánh vào "Chi phí quản lý" trong kỳ.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

### 7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Các khoản nợ phải trả của Công ty bao gồm các khoản vay, khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, khoản phải trả người bán, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

**Vốn góp của chủ sở hữu** được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Lợi nhuận chưa phân phối:** Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty, đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và các quy định khác có liên quan.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

### 10. Ghi nhận doanh thu

**Doanh thu** được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### 10.1 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính

##### a. Thu nhập từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM

**Thu nhập từ bán các tài sản tài chính FVTPL** được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán đã bán ra hoặc chênh lệch tăng do đánh giá lại vào cuối kỳ theo giá trị hợp lý, phù hợp với các quy định của chuẩn mực kế toán các công cụ tài chính và quy định của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

**Thu nhập từ tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM và các khoản cho vay** được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán, ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá gốc chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM và các khoản cho vay** được ghi nhận khi quyền sở hữu đối với các khoản đầu tư của Công ty được xác lập trước ngày giao dịch không hưởng quyền và có thông báo chia cổ tức từ tổ chức phát hành. Cổ phiếu thưởng chỉ ghi tăng số lượng mà không ghi tăng doanh thu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 10.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu từ dịch vụ và doanh thu khác

**Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán:** Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán** được xác định trên cơ sở mức phí và hoa hồng được hưởng theo thỏa thuận với tổ chức phát hành khi dịch vụ đã được thực hiện và có biên bản quyết toán với tổ chức phát hành chứng khoán. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán** là mức phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư đã thực hiện trong kỳ.

**Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán** là khoản phí thu được của khách hàng về cung cấp các dịch vụ về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán.

**Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính** là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi cho các khách hàng.

### 11. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản chi phí

**Chi phí** là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

**Chi phí** được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi tiền gửi không kỳ hạn, phân bổ chênh lệch hoạt động repo trái phiếu chính phủ và lãi tỷ giá hối đoái.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí lãi vay, phân bổ chênh lệch hoạt động repo trái phiếu chính phủ và lỗ tỷ giá hối đoái.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 13. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động pha loãng đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### 14. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

002  
INH  
TNHI  
ÁN  
IN H  
ISC  
TP. H

S  
D  
★  
HAI

C.P  
★  
N  
HA  
NỘI

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2022	01/01/2022
<b>Tiền</b>	<b>1.268.772.143</b>	<b>166.498.410.237</b>
Tiền mặt	1.476.593	135.066.700
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	1.267.295.550	166.363.343.537
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	<i>1.098.119.608</i>	<i>166.363.343.537</i>
<i>Chi nhánh Sài Gòn</i>	<i>169.175.942</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>1.268.772.143</b>	<b>166.498.410.237</b>

**2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ**

	Kỳ này	
	Khối lượng giao dịch trong năm	Giá trị giao dịch trong năm
<b>Của Công ty chứng khoán</b>	<b>77.912.229</b>	<b>8.967.693.834.269</b>
- Cổ phiếu	-	-
- Chứng quyền	-	-
- Trái phiếu	77.912.229	8.967.693.834.269
- Chứng khoán khác	-	-
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>548.519</b>	<b>19.471.579.700</b>
- Cổ phiếu	548.519	19.471.579.700
- Trái phiếu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>78.460.748</b>	<b>8.987.165.413.969</b>

**3. Các loại tài sản tài chính**

Chỉ tiêu	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>3.1 Tài sản FVTPL</b>				
+ Trái phiếu chưa niêm yết	150.430.527.794	150.430.527.794	3.878.169.582	3.878.169.582
<b>Cộng</b>	<b>150.430.527.794</b>	<b>150.430.527.794</b>	<b>3.878.169.582</b>	<b>3.878.169.582</b>
<b>3.2 Các khoản cho vay và phải thu</b>				
+ Cho vay Margin	41.451.494	41.451.494	-	-
+ Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	-	-	514.050.000	514.050.000
<b>Cộng</b>	<b>41.451.494</b>	<b>41.451.494</b>	<b>514.050.000</b>	<b>514.050.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

**Mẫu số B09 - CTCK**

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4. Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (xem trang 40).**

<b>5. Các khoản phải thu</b>	<b>30/6/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
<b>5.1 Phải thu bán trái phiếu</b>		
<b>a. Phải thu bán trái phiếu</b>		
Nguyễn Ngọc Hương	18.000.000.000	-
Nguyễn Thế Đệ	17.000.000.000	-
Nguyễn Thị Thanh Xuân	17.500.000.000	-
Các đối tượng khác	34.100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>86.600.000.000</b>	<b>-</b>
<b>b. Phải thu bán các tài sản tài chính</b>	<b>30/6/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Vital Investments Group (*)	40.000.000.000	60.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>

(\*) Hợp đồng hợp tác số 01/22062022/HTKD/CASC-VIG ngày 22/6/2022 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô và Công ty Cổ phần Vital Investments Group, số tiền hợp tác theo hợp đồng là 100 tỷ đồng, lợi tức hợp tác theo thỏa thuận theo phụ lục tại thời điểm phân chia lợi nhuận, thời hạn hợp tác không quá 3 tháng (có thể gia hạn nếu có thỏa thuận) và không có tài sản đảm bảo.

**5.2 Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính**

<b>Ngắn hạn</b>	<b>122.259</b>	<b>690.410.959</b>
<i>Văn phòng Hà Nội</i>		
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	122.259	-
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	-	690.410.959
<i>Chi nhánh Sài Gòn</i>		
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	48.469	-
<b>Cộng</b>	<b>170.728</b>	<b>690.410.959</b>

**6. Trả trước cho người bán**

<b>Ngắn hạn</b>	<b>30/6/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
Trả trước tiền mua trái phiếu	63.347.700.000	104.000.000.000
- Lê Thị Châu Báu	-	52.400.000.000
- Trần Thị Thanh Nga	-	51.600.000.000
- Lý Quốc Bảo	24.347.700.000	-
- Nguyễn Anh Khoa	25.000.000.000	-
- Công ty TNHH Đức Tiến Holdings	14.000.000.000	-
Công ty TNHH Nội thất Tân Khang	-	2.475.432.608
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm tài chính công nghệ DTND	1.200.000.000	1.200.000.000
Các đối tượng khác	1.372.490.951	1.087.080.000
<b>Cộng</b>	<b>65.920.190.951</b>	<b>108.762.512.608</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	<b>30/6/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
<b>7. Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp</b>		
Phải thu phí dịch vụ khác	32.967.480	746.582
<i>Phải thu phí dịch vụ khác</i>	<i>32.967.480</i>	<i>746.582</i>
<b>Cộng</b>	<b>32.967.480</b>	<b>746.582</b>
<b>8. Chi phí trả trước</b>		
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>346.553.119</b>	<b>230.042.161</b>
<i>Văn phòng Hà Nội</i>		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	18.509.925
Chi phí thuê văn phòng	85.060.510	76.667.873
Dịch vụ phần mềm	246.824.267	134.864.363
Chi phí khác (bảo hiểm cháy nổ, thẻ quà tặng)	9.833.340	-
<i>Chi nhánh Sài Gòn</i>		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	785.002	-
Dịch vụ phần mềm	4.050.000	-
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>4.245.449.226</b>	<b>1.308.968.417</b>
<i>Văn phòng Hà Nội</i>		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.025.427.767	764.735.093
Chi phí thiết kế, lắp đặt nội thất	804.163.910	476.637.276
Dịch vụ phần mềm	163.089.381	-
Chi phí chờ phân bổ khác	-	67.596.048
<i>Chi nhánh Sài Gòn</i>		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.093.306.186	-
Chi phí thiết kế, lắp đặt nội thất	1.159.461.982	-
<b>Cộng</b>	<b>4.592.002.345</b>	<b>1.539.010.578</b>
<b>9. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược</b>		
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>5.650.000</b>	<b>5.650.000</b>
<i>Văn phòng Hà Nội</i>		
Các đối tượng khác	5.650.000	5.650.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>404.618.200</b>	<b>404.618.200</b>
<i>Văn phòng Hà Nội</i>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình	134.068.200	134.068.200
Công ty Cổ phần Đầu tư và dịch vụ Helios	270.000.000	270.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hà Nội	550.000	550.000
<b>Cộng</b>	<b>410.268.200</b>	<b>410.268.200</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

**Mẫu số B09 - CTCK**

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	6.772.579.237	6.772.579.237
<i>Mua trong năm/kỳ</i>	30.525.000	30.525.000
Số dư cuối kỳ	6.803.104.237	6.803.104.237
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	2.971.177.522	2.971.177.522
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	393.970.970	393.970.970
Số dư cuối kỳ	3.365.148.492	3.365.148.492
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu kỳ	3.801.401.715	3.801.401.715
Số dư cuối kỳ	3.437.955.745	3.437.955.745

\* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.119.778.337 VND

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý: 728.109.106 VND

\* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

\* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Website	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	30.000.000	1.178.120.000	1.208.120.000
<i>Mua trong kỳ</i>	-	80.000.000	80.000.000
Số dư cuối kỳ	30.000.000	1.258.120.000	1.288.120.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	6.666.664	216.042.902	222.709.566
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	4.999.998	148.316.301	153.316.299
Số dư cuối kỳ	11.666.662	364.359.203	376.025.865
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	23.333.336	962.077.098	985.410.434
Số dư cuối kỳ	18.333.338	893.760.797	912.094.135

\* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

**12. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán**

	30/6/2022	01/01/2022
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.873.376	-
<b>Cộng</b>	<b>122.873.376</b>	<b>120.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		30/6/2022	01/01/2022		
Phí môi giới cho công tác viên khác		6.344.083.195	3.379.468.344		
<b>Cộng</b>		<b>6.344.083.195</b>	<b>3.379.468.344</b>		
14. Phải trả người bán		30/6/2022			
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
a. Ngắn hạn		01/01/2022			
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Công ty TNHH dịch vụ Trâu Ngon	5.250.240	5.250.240	-		
CN CT TNHH thời trang VMG tại TP Hà Nội	6.590.000	6.590.000	-		
Phải trả người bán khác	16.717.289	16.717.289	-		
<b>Cộng</b>	<b>28.557.529</b>	<b>28.557.529</b>	<b>-</b>		
15. Người mua trả tiền trước		30/6/2022	01/01/2022		
<b>Ngắn hạn</b>		<b>1.264.260.501</b>	<b>22.900.000.000</b>		
Chu Diệu Ngọc		-	15.000.000.000		
Nguyễn Thu Hà		-	3.000.000.000		
Hoàng Thị Thúy Nhung		-	2.800.000.000		
Đỗ Vân Trang		70.000.000	-		
Lê Xuân Nhân		1.194.260.501	-		
Các khách hàng khác		-	2.100.000.000		
<b>Cộng</b>		<b>1.264.260.501</b>	<b>22.900.000.000</b>		
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/6/2022
<b>Phải nộp</b>					
Thuế GTGT đầu ra	697.209	53.369.028	52.216.152	1.850.085	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.240.376.557	831.408.270	2.005.160.162	66.624.665	
Thuế thu nhập cá nhân	1.618.883.000	17.152.875.696	16.710.088.308	2.061.670.388	
Thuế, phí khác	-	14.300.000	14.300.000	-	
<b>Cộng</b>	<b>2.859.956.766</b>	<b>18.051.952.994</b>	<b>18.781.764.622</b>	<b>2.130.145.138</b>	
17. Chi phí phải trả		30/6/2022	01/01/2022		
<b>Ngắn hạn</b>		<b>65.139.827</b>	<b>136.113.216</b>		
Các chi phí phải trả khác		65.139.827	136.113.216		
<b>Cộng</b>		<b>65.139.827</b>	<b>136.113.216</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Doanh thu chưa thực hiện		30/6/2022	01/01/2022	
a. Ngắn hạn				
Doanh thu nhận trước phí lưu ký		20.061.485.310	-	
<b>Cộng</b>		<b>20.061.485.310</b>	<b>-</b>	
19. Phải trả phải nộp khác		30/6/2022	01/01/2022	
Ngắn hạn		2.553.828	907.425	
Các khoản phải trả, phải nộp khác		2.553.828	907.425	
<b>Cộng</b>		<b>2.553.828</b>	<b>907.425</b>	
20. Dự phòng phải trả		30/6/2022	01/01/2022	
a. Ngắn hạn				
Dự phòng chi phí môi giới chứng khoán thứ cấp		7.123.338.523	3.503.878.070	
<b>Cộng</b>		<b>7.123.338.523</b>	<b>3.503.878.070</b>	
21. Vốn đầu tư của chủ sở hữu				
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	151.473.340.000		(39.226.232.612)	112.247.107.388
- Tăng vốn	148.526.660.000	44.557.998.000	-	193.084.658.000
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	1.453.237.509	1.453.237.509
Số dư tại 30/6/2021	300.000.000.000	44.557.998.000	(37.772.995.103)	306.785.002.897
Số dư tại 01/01/2022	300.000.000.000	6.785.002.897	6.582.462.877	313.367.465.774
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	3.137.180.466	3.137.180.466
Số dư tại 30/6/2022	300.000.000.000	6.785.002.897	9.719.643.343	316.504.646.240
Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		Tỷ lệ vốn góp	30/6/2022	01/01/2022
Nguyễn Đình Ngôn		26,59%	79.780.840.000	79.780.840.000
Công ty Cổ phần Bamboo Financial Corp		20,00%	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư NCCT		17,51%	52.545.990.000	52.545.990.000
Giáp Thị Phương		12,50%	37.487.580.000	37.487.580.000
Các cổ đông khác		23,40%	70.185.590.000	70.185.590.000
<b>Cộng</b>		<b>100,00%</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

**Mẫu số B09 - CTCK**

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**23. Nợ khó đòi đã xử lý**

Các khoản nợ khó đòi không thu hồi được, đã xử lý xóa sổ bao gồm:

	<b>30/6/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
Ông Đặng Viết Dũng	2.247.470.298	2.247.470.298
Ông Nguyễn Tùng Lâm	54.998.729	54.998.729
Ông Phạm Duy Khánh	434.443.808	434.443.808
Bà Trần Thúy An	70.702.620	70.702.620
Bà Phạm Thị Kim Thu	187.173.391	187.173.391
Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền	377.581.851	377.581.851
Ông Phạm Bảo Dương	174.019.323	174.019.323
Ông Nguyễn Văn Tuấn	1.078.726.663	1.078.726.663
Ông Hoàng Việt Hùng	126.814.425	126.814.425
Ông Bùi Minh Sơn	118.765.247	118.765.247
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	203.290.083	203.290.083
Ông Lý Hữu Khải	751.130.313	751.130.313
Ông Đoàn Phạm Hồng Trung	8.984.409	8.984.409
Ông Lý Hữu Khải	61.500.000	61.500.000
Ông Phạm Minh Quang	30.740.334	30.740.334
Các đối tượng khác	127.242.558	127.242.558
<b>Cộng</b>	<b>6.053.584.052</b>	<b>6.053.584.052</b>

**24. Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành**

	<b>30/6/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
Cổ phiếu	30.000.000	30.000.000
	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>

**25. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK**

	<b>30/6/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
Trái phiếu	149.400.600.000	3.824.000.000
<b>Cộng</b>	<b>149.400.600.000</b>	<b>3.824.000.000</b>

**26. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư**

	<b>30/6/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.019.820.000	115.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	120.000.000.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.080.000	174.000.000
<b>Cộng</b>	<b>121.020.900.000</b>	<b>289.000.000</b>

T.N.H.H. \*  
VỚI \*3.  
ÔN  
Ô  
NG  
TH  
PUN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**27. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư**

	30/6/2022	01/01/2022
Trái phiếu	4.150.599.400.000	3.598.176.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.150.599.400.000</b>	<b>3.598.176.000.000</b>

**28. Tiền gửi của khách hàng**

	30/6/2022	01/01/2022
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	318.208.578	568.453.928
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	706.400	-
<b>Cộng</b>	<b>318.914.978</b>	<b>568.453.928</b>

**29. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý**

	30/6/2022	01/01/2022
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	318.208.578	568.453.928
<b>Cộng</b>	<b>318.208.578</b>	<b>568.453.928</b>

**30. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu**

	30/6/2022	01/01/2022
Phải trả cổ tức, lãi	706.400	-
<b>Cộng</b>	<b>706.400</b>	<b>-</b>

**VI. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG****1. Thu nhập****1.1 Lãi lỗ bán các tài sản tài chính (xem trang 40)****1.2 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM và các khoản cho vay**

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức và tiền lãi từ tài sản tài chính FVTPL	20.349.112.271	509.967.123
Tiền lãi từ tài sản tài chính FVTPL	20.349.112.271	509.967.123
Lãi từ các khoản cho vay	12.764.565	-
Lãi từ cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	12.764.565	-
<b>Cộng</b>	<b>20.361.876.836</b>	<b>509.967.123</b>

**1.3 Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động môi giới	5.330.545	645.824.962
Doanh thu hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	38.450.000.000	68.428.750.000
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	31.891.680.123	300.000
Doanh thu khác	2.006.761.303	3.846.910.909
<b>Cộng</b>	<b>72.353.771.971</b>	<b>72.921.785.871</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

**Mẫu số B09 - CTCK**

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>2. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	48.050.992	20.046.082
<b>Cộng</b>	<b>48.050.992</b>	<b>20.046.082</b>
<b>3. Chi phí hoạt động tự doanh</b>		
Chi phí quản lý hoạt động tự doanh	100.736.000	148.940.001
<b>Cộng</b>	<b>100.736.000</b>	<b>148.940.001</b>
<b>4. Chi phí môi giới chứng khoán</b>		
Chi phí quản lý hoạt động môi giới	2.133.586.686	853.908.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	686.059.233	376.511.341
Chi phí khác	147.457	439.387.334
<b>Cộng</b>	<b>2.819.793.376</b>	<b>1.669.807.007</b>
<b>5. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán</b>		
Chi phí quản lý hoạt động đại lý phát hành chứng khoán	1.532.765.879	1.044.337.635
Chi phí dịch vụ mua ngoài (phí hoa hồng môi giới, phí chuyển kho)	19.544.058.345	33.281.789.775
Các chi phí khác	391.452.200	716.736.751
<b>Cộng</b>	<b>21.468.276.424</b>	<b>35.042.864.161</b>
<b>6.1 Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán</b>	<b>29.376.000</b>	<b>46.866.000</b>
Chi phí quản lý hoạt động tư vấn	29.376.000	46.866.000
<b>6.2 Hoạt động tư vấn tài chính</b>	<b>318.219.288</b>	<b>37.842.692</b>
Chi phí quản lý hoạt động tư vấn	318.219.288	21.010.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	489.000
Chi phí khác	-	16.343.406
<b>Cộng</b>	<b>347.595.288</b>	<b>84.708.692</b>
<b>7. Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.492.343.900	-
Chi phí quản lý	56.931.403	-
<b>Cộng</b>	<b>25.549.275.303</b>	<b>-</b>
<b>8. Chi phí hoạt động khác</b>		
Chi phí hoạt động khác	600.000	798.959.780
<b>Cộng</b>	<b>600.000</b>	<b>798.959.780</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí quản lý	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.928.873.770	2.200.967.725
Chi phí vật tư văn phòng	56.700.168	31.218.083
Chi phí công cụ, dụng cụ	570.825.874	235.177.697
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	466.787.267	12.500.002
Chi phí thuế, phí và lệ phí	9.300.000	95.300.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.874.159.246	643.864.108
Chi phí khác	14.743.000	2.500.000
<b>Cộng</b>	<b>7.921.389.325</b>	<b>3.221.527.615</b>
10. Thu nhập khác	Kỳ này	Kỳ trước
Thu từ phí phạt do đối tác không thực hiện hợp đồng	76.027.398	-
Thu nhập khác	4.517	503
<b>Cộng</b>	<b>76.031.915</b>	<b>503</b>
11. Chi phí khác	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí khác	1.000	1
<b>Cộng</b>	<b>1.000</b>	<b>1</b>
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Kỳ này	Kỳ trước
LN trước thuế	3.968.588.736	1.862.082.601
Các khoản điều chỉnh tăng	188.452.613	182.142.857
<i>Lương HĐQT không tham gia điều hành</i>	<i>188.451.613</i>	<i>182.142.857</i>
<i>Chi phí không được trừ khác</i>	<i>1.000</i>	-
Lợi nhuận tính thuế	4.157.041.349	2.044.225.458
- Chi phí thuế thu nhập theo thuế suất phổ thông	831.408.270	408.845.092
<b>- Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>831.408.270</b>	<b>408.845.092</b>
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.137.180.466	1.453.237.509
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức cổ phần ưu đãi)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.137.180.466	1.453.237.509
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	30.000.000	19.742.634
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>105</b>	<b>74</b>

130  
HI N  
IG T  
EM  
CH V  
JORI  
TRU//  
Y / P  
V  
Á  
TP

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	30.000.000	15.147.334
Ảnh hưởng của 14.852.666 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 06/5/2021	-	4.595.300
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	30.000.000	19.742.634

**14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Công ty chịu các rủi ro chính từ các công cụ tài chính, bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**14.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

HÀNH  
Y TÍN  
TOÁN  
J TÍN  
AIS  
G-T

11/11

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 14.1 *Rủi ro thị trường (tiếp theo)*

#### *Độ nhạy đối với lãi suất*

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản tiền gửi và các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
<b>Kỳ này</b>		
VND	+100	12.687.721
	-100	(12.687.721)
<b>Kỳ trước</b>		
VND	+200	4.614.639.147
	-200	(4.614.639.147)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

### 14.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### *Đầu tư chứng khoán nợ*

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

#### *Phải thu khách hàng*

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận Nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.1. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức thấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trung, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 30/6/2022	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	28.557.529	-	-	28.557.529
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	6.344.083.195	-	-	6.344.083.195
Chi phí phải trả	65.139.827	-	-	65.139.827
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.553.828	-	-	2.553.828
<b>Cộng</b>	<b>6.440.334.379</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.440.334.379</b>

Ngày 31/12/2021	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.379.468.344	-	-	3.379.468.344
Chi phí phải trả	136.113.216	-	-	136.113.216
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	907.425	-	-	907.425
<b>Cộng</b>	<b>3.516.488.985</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.516.488.985</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng trả tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của Bên thứ ba tại ngày 30/6/2022 và 31/12/2021.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (xem trang 42)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao được xác định dựa trên báo giá hoặc giá trị tài sản ròng/giá trị sổ sách của đơn vị phát hành hoặc được xác định dựa trên đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi của chứng khoán đầu tư. Trường hợp không có đủ nguồn thông tin đáng tin cậy để xác định thì giá trị hợp lý của các công cụ chưa niêm yết được phản ánh theo giá gốc.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2022. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán.**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Chi tiết các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty và các bên liên quan như sau:

**2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt***

Công ty không có giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

***Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt***

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt***

**+ Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát**

Thù lao HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm Soát

**Cộng**

	Kỳ này	Kỳ trước
	2.133.014.697	807.389.991
	<b>2.133.014.697</b>	<b>807.389.991</b>

33005  
 CH  
 CÔNG  
 KIẾ  
 Á DỊC  
 MÓN  
 24 TR  
 3  
 CÔP  
 CÔ  
 :ÚNI  
 TH  
 TAL

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Phát sinh	Số dư
Công ty CP Nội thất Nhà Tân Khang	Giám đốc là Thành viên BKS Công ty - Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Chi phí thi công nội thất và làm biển Công ty	491.828.119	-
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Helios	Chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT của Công ty - Bà Lê Thị Mai Loan	Chi phí thuê Văn phòng	749.694.375	270.000.000
Công ty CP Phát triển Công nghiệp và vận tải	Phó chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT của Công ty - Bà Lê Thị Mai Loan	Chi phí dịch vụ tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu	200.000.000	-

Tại 30/6/2022, Công ty không còn số dư với các bên liên quan khác

**3. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2022 và giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021 được lấy từ Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh (nay là Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC)

**4. Thông tin về hoạt động liên tục:** Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

TP. Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

Bùi Diệu Quyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thị Hoài Thu

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn An

1304  
II NH  
G TY  
M T  
VỤ  
IRE  
UNG

IG  
PH  
KH  
Ủ Đ  
NG

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK  
(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày  
27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V.4. Bảng tình hình biến động giá trị thị trường**

STT	Chi tiêu	30/6/2022					01/01/2022				
		Giá mua	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
I	Tài sản FVTPL	150.430.527.794	150.430.527.794	-	-	150.430.527.794	3.878.169.582	3.878.169.582	-	-	3.878.169.582
1	+ Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	+ Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	+ Trái phiếu chưa niêm yết	150.430.527.794	150.430.527.794	-	-	150.430.527.794	3.878.169.582	3.878.169.582	-	-	3.878.169.582
4	+ Cổ phiếu hủy niêm yết, ngưng giao dịch	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	+ Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Tài sản AFS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Tài sản HTM	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 12 tháng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Các khoản cho vay và phải thu	41.451.494	41.451.494	-	-	41.451.494	514.050.000	514.050.000	-	-	514.050.000
	Cho vay Margin	41.451.494	41.451.494	-	-	41.451.494	-	-	-	-	-
	Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	-	-	-	-	-	514.050.000	514.050.000	-	-	514.050.000
	Cộng	150.471.979.288	150.471.979.288	-	-	150.471.979.288	4.392.219.582	4.392.219.582	-	-	4.392.219.582

TP. HỒ CHÍ MINH  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ  
Số 2A Đại Cồ Việt, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội  
Mã số B09 - CTCK

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Mẫu số B09 - CTCK

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

(Ban hành theo TT số 33/4/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

**VI.1. Thu nhập**

**1.1a. Bảng tổng hợp lãi lỗ bán các tài sản tài chính**

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6
1	Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	-
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	-
3	Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	-
4	Trái phiếu chưa niêm yết	38.443.228	114.331	4.395.251.730.485	4.425.889.745.572	(30.638.015.087)	-
5	Công cụ thị trường tiền tệ	-	-	-	-	-	-
	<b>Cộng (*)</b>	<b>38.443.228</b>		<b>4.395.251.730.485</b>	<b>4.425.889.745.572</b>	<b>(30.638.015.087)</b>	

**Lãi lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động riêng**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi bán các tài sản tài chính	1.417.754.740	5.880.481.226
Lỗ bán các tài sản tài chính	(32.055.769.827)	(36.471.796.646)
<b>Cộng</b>	<b>(30.638.015.087)</b>	<b>(30.591.315.420)</b>

(\*) Lãi lỗ đã thực hiện từ hoạt động từ doanh các tài sản tài chính bao gồm hai phần chính là:

- + Cổ tức, tiền lãi (bao gồm: cổ tức, trái tức và lãi chứng chỉ tiền gửi từ việc nắm giữ các tài sản này) và;
- + Chênh lệch giá mua bán các tài sản tài chính.

Lỗ thuần về bán các tài sản tài chính trong 6 tháng đầu năm 2022 là: 30.638.015.087 VND chưa bao gồm các khoản cổ tức, tiền lãi phát sinh trong năm từ việc nắm giữ các tài sản này. Trong năm, nếu cộng hợp lãi lỗ từ hoạt động từ doanh các tài sản tài chính (gồm cổ tức, tiền lãi và chênh lệch giá mua bán) thì kết quả kinh doanh từ hoạt động từ doanh này là: (10.288.902.816) VND = (30.638.015.087) VND + 20.349.112.271 VND (thuyết minh số VI.1.2).

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của Báo cáo này

